SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1118 /TB-BVĐK

Tây Ninh, ngày 08 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá mua sắm vật tư sửa chữa năm 2026

Kính gửi: Quý công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá kế hoạch làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "Mua sắm vật tư sửa chữa năm 2026" với các nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đặng Thị Thanh Hải – Phòng kế hoạch, tổng hợp của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh.

- Số điện thoại: 0906370797

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản giấy: Phòng kế hoạch, tổng hợp thuộc Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, địa chỉ: 626 đường 30/04, Khu phố 5, Phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua email: toxaydunggia2026@gmail.com File mềm và file Scan (PDF) báo giá.

- Đường link truy cập tải danh mục chi tiết và biểu mẫu thực hiện báo giá: *http://bvdktayninh.ytetayninh.vn/*

**** Lưu ý:**

- Nội dung bản giấy và nội dung bản gởi qua email không được sai khác nhau.

- Ngoài bìa thư ghi rõ:

+ TÊN NHÀ THẦU
+ NƠI NHẬN: PHÒNG KẾ HOẠCH – TỔNG HỢP THUỘC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH
+ BÁO GIÁ THEO THÔNG BÁO SỐ: 1118 /TB-BVĐK

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành thư mời báo giá đến trước 16 giờ 00 phút ngày 15/07/2026. (Các báo giá nhận sau thời gian này không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 15/07/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục: Mua sắm vật tư sửa chữa năm 2026 mời chào giá chi tiết tại phụ lục I đính kèm.

2. Hồ sơ báo giá: Bảng báo giá. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

3.Các thông tin khác: Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục II đính kèm Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA

BS.CKI. Võ Thị Ánh Hà

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HCQT, TXDG.

PHỤ LỤC I

Danh mục mời báo giá: Mua sắm vật tư sửa chữa năm 2026

(kèm thông báo số 1118 /TB-BVĐK ngày 08 /07 /2026 của Giám đốc bệnh viện)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	Địa điểm cung cấp
1	Phần lô 1: 29 mặt hàng				Bệnh viện đa khoa Tây Ninh
1.1	Bóng đèn LED 1,2m 32W	Bóng	300	Công suất: 32W. Góc chiếu sáng: 320 độ. Quang thông: 3200lm	
1.2	Bóng đèn LED 0.6 m 16W	Bóng	300	Công suất: 16W Loại bóng: T8 Kích thước L(mm): 600 Điện áp: 220V/50Hz Ánh sáng: 3000K/6500K Quang thông: 1600lm Chỉ số hoàn màu (CRI): >85	
1.3	Bộ ổ cắm đế nổi	Bộ	50	Kích thước: 120x70x44mm. Chất liệu: nhựa. Vặn vít.	
1.4	Bóng đèn Compact 50W	Cái	240	Công suất: 50 W. Quang thông: 3100/3200 lm. Màu ánh sáng: Trắng/ Vàng. Chỉ số hoàn màu: 80. Đầu đèn: E27. Tuổi thọ: 8000 giờ	
1.5	Bóng đèn Compact 20W	Cái	240	Công suất : 20W. Độ chuẩn màu CRI : 82. Chuẩn đuôi : E27. Nguồn điện : 170-240 VAC / 50 – 60Hz. Cường độ ánh sáng : 1267 lm. Nhiệt độ màu : trắng (6500K)	
1.6	Băng keo đen 0.12mm*18mm*20m	Cuồn	100	Băng keo điện Nano 20 yard	
1.7	Dây điện 1.5	Cuộn 100m	5	Chiều dài 100m/cuộn. Cáp điện lực CV dùng cho hệ thống truyền tải và phân phối điện, cấp điện áp 0,6/1kV, lắp đặt cố định.	
1.8	Dây điện 2.5	Cuộn 100m	5	Dây điện bọc nhựa 2.5 mm2 gồm ruột đồng tinh chất, với 1 lớp vỏ bọc cách điện PVC chất lượng cao, điện áp chịu tải (tối đa): 450V AC (750V AC). Chiều dài 100m/cuộn.	

1.9	Dây điện đôi 30mm	Cuộn 100m	7	Loại: dây đôi 2 lõi Tiết diện: 2×1.5 mm2 (2×30/0.2) Chất liệu: Ruột Đồng, Dây điện bọc nhựa. Kết cấu: 2 x30/0.25mm. Mặt cắt danh nghĩa: 2x1.5mm2. Chiều dày cách điện danh nghĩa: 0.8mm. Điện áp danh định: 0.6/1kV	
1.10	Đuôi đèn loại vặn	Cái	100	Đuôi đèn E27 có công tắc và phích cắm trực tiếp vào ổ, chui đèn loại vặn xoáy gắn tường, chuôi đèn xoay đui bóng đèn E27	
1.11	Cầu dao tự động (CB)20A	Cái	50	Cường độ dòng điện: 20A Tự động bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Điện áp định mức 240VAC/415VAC. Dòng cắt ngắn mạch 06KA.	
1.12	Bộ cốt quạt	Bộ	50	Bộ phụ kiện gồm: Ccốt quạt phi 8 x190 mm, cốt quạt phi 8 x 210mm. Bạc tròn: 2 cái. Thay thế bạc cũ hư. Phe gài được sử dụng để chặn vòng ngoài hoặc vòng trong của bạc đạn.	
1.13	Lõi quạt số 46	Cục	50	Sản phẩm được làm bằng đồng 100% chạy bền bỉ. Kích thước lỗ : 46mm, độ dày mạch từ : 25mm.	
1.14	Máng đèn LED đôi	Cái	100	Máng đèn đôi khổ1m2 có sơn tĩnh điện thân máng bằng thép sơn tĩnh đĩnh điện, kết cấu chắc chắn. Điện áp: 220V. Công suất: 2 x T8 LED. Kích thước: 1260x170x85mm. Đui đèn bằng nhựa chịu nhiệt chống cháy, thiết kế dạng xoay, giúp bóng đèn chắc chắn và tiếp xúc tốt	
1.15	Nhông quạt bàn	Bộ	50	Chất liệu : nhựa. Kích thước: 73*50mm	
1.16	Nút xoay quạt trần	Cái	80	Nút xoay có 5 mức tốc độ gió. Chất liệu PC chống cháy. Có công tắc điều chỉnh tốc độ quạt trần năm mức gắn tường 220V thông dụng.	

1.17	Ống nẹp vuông 2 cm	Cây 1.8m	100	Kích thước: 1.8m.20x11mm (rộng 20mm, cao 11mm, dài 1.8m). Chất liệu nhựa PVC. Nắp gài chắc chắn giữ cáp ổn định, không bung hở. Khả năng cách điện đến 2500V an toàn cho hệ thống điện
1.18	Ống ruột gà Ø 16	Cuộn 50m	3	Vật liệu: nhựa PVC tự chống cháy. Tính năng co giãn và chịu lực uốn tốt. Đường kính ngoài: 16mm. Chiều dài cuộn: 50m. Màu sắc: Trắng.
1.19	Ổ cắm dài 6 lỗ 5m	Cái	150	Ổ cắm LiOA 6 lỗ 5 mét. Công suất lớn 10A 2200W, 2 công tắc, ổ cắm 3 chấu có nắp che chống giật.
1.20	Tắc kê nhựa	Bịch	50	Tắc kê nhựa đóng tường. 1 Bịch gồm 100 con. Có nhiều kích cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F.
1.21	Tắc te	Cục	200	Dùng để khởi động dành cho bóng đèn huỳnh quang. Điện áp 220V-240V. Công suất 4W-80W.
1.22	Tụ quạt 2µF	Cục	60	Dùng để thay thế cho quạt điện hay các động cơ xoay chiều cần dùng tụ khởi động. Tụ không phân cực, có lỗ để bắt vít. Dung kháng: 2uF Điện áp: 450V Kích thước 38x17x27mm
1.23	Quạt trần không hộp số	Cái	70	Màu Sắc Trắng Đường Kính Cánh 1400mm Điện Áp 220V Điện Dung 2µF Tần Số 50Hz Công Suất 77W Dòng Điện Rò 0.25mA Lưu Lượng Gió 250 m3/phút Trọng Lượng 7.5kg
1.24	Quạt đứng	Cây	50	Động cơ: Bạc thau Sải cánh: 39cm Số cánh quạt: 5 cánh Tính năng làm mát Tốc độ gió: 3 tốc độ Lưu lượng gió: 83.8 m3/min Mức tiêu thụ điện năng Công suất: 60W Điều chỉnh chiều cao: 108cm - 121cm

				Trọng lượng: 3,9kg Nguồn điện áp: 220V/50Hz Kích thước: 475mm x 197mm x 452mm (Dài x Rộng x Cao)
1.25	Quạt treo tường	Cây	30	Công suất - Mức gió: 50W - 3 mức gió Bảng điều khiển: Remote có nút nhấn Loại motor: bạc thau Đường kính cánh quạt: 3 cánh - 39.5 cm Chiều dài dây điện: 174 cm. Có remote hẹn giờ tắt Lồng quạt có khe hở nan quạt nhỏ Kích thước: Ngang 44 cm - Cao 52 cm - Sâu 31 cm Khối lượng: 3.3 kg
1.26	Quạt hút	Cái	50	Công suất: 28W Đường kính cánh: 150 mm Độ ồn: 50DB Lưu lượng: 800 m3/h Đường kính ống nối: Ø120 mm Kích thước âm trần: 260x260mm Kích thước sản phẩm: 31x31x18cm Khối lượng sản phẩm: 1.8 kg Màu sắc: trắng
1.27	Phích cắm âm	cái	30	Chịu tải 3000W. Dòng điện định mức: 10A – 220V. Vỏ nhựa: chống cháy.
1.28	Phích cắm 3 chấu	cái	30	Công suất chịu tải đến 3000W. Dòng điện: 13A. Điện áp: 250V.
1.29	Phích cắm	cái	30	Phích cắm điện chân tròn. Chân cắm 4.5mm. Chất liệu: nhựa ABS chịu được nhiệt độ cao. Màu sắc: trắng.
2	Phần lô 2: 44 mặt hàng			
2.1	Ống vòi Lavabo Ø21	Cái	120	Ống nhựa nối dài vòi nước phi 21 mm.
2.2	Ống xả ruột gà Ø34 - 1.2m	Cái	50	Ống thoát lavabo ruột gà bằng nhựa phi 34mm, dài 1.2 mét.

2.3	Ống nhựa dẻo lưới Ø21	Mét	240	Ống nhựa dẻo trong suốt đường kính 21mm.
2.4	Bồn xả Lavabo	Cái	50	Chất liệu: nhựa. Bao gồm chặn nước và ống thải chữ P. Trọng lượng: 0.4Kg. Kích thước: 25 x 13.5x 7 cm.
2.5	Bộ vòi xịt vệ sinh	Bộ	100	Bộ sản phẩm gồm: 1 đầu vòi xịt nhựa, 1 dây dẫn nhựa, 1 đế cài, 2 đinh vít và tán thau. Dây dài 120cm.
2.6	Cấp nước + banh ty	Bộ	10	Chất liệu: nhựa. Kiểu xả gạt đằng trước. Dùng cho bồn cầu khối rời
2.7	Cóc bồn cầu	Cái	20	Cóc gài có chốt gài vào bộ xả.
2.8	Cần gạt nước cầu	Cái	50	Chất liệu nhựa nghiêng 28 độ. Chất liệu: nhựa, crom. Phù hợp với bồn chứa nước tiêu chuẩn 15.2cm.
2.9	Co PVC Ø 21	Cái	100	Chất liệu nhựa PVC, đường kính 21mm. Dùng để chuyển hướng ống theo góc vuông 90 độ.
2.10	Co PVC Ø 27	Cái	100	Chất liệu nhựa PVC, đường kính 27mm. Dùng để chuyển hướng ống theo góc vuông 90 độ.
2.11	Co PVC Ø 34	Cái	20	Chất liệu nhựa PVC, đường kính 34mm. Dùng để chuyển hướng ống theo góc vuông 90 độ.
2.12	Co PVC Ø 42	Cái	20	Chất liệu nhựa PVC, đường kính 42mm. Dùng để chuyển hướng ống theo góc vuông 90 độ.
2.13	Co PVC Ø 49	Cái	10	Chất liệu nhựa PVC, đường kính 49mm. Dùng để chuyển hướng ống theo góc vuông 90 độ.
2.14	Co PVC răng 21	Cái	100	Chất liệu nhựa PVC. Co răng ngoài đường kính 21mm (21*1/2")
2.15	Co PVC răng 27	Cái	50	Chất liệu nhựa PVC. Co răng ngoài đường kính 27mm (27*1/2")

2.16	Củ sen	Cái	50	Bộ sản phẩm gồm: 1 tay sen 5 chế độ nước, 1 dây dẫn không xoắn, 1 đế cài, 1 củ sen. Chất liệu: inox. Áp lực nước: 0.05MPa ~ 0.65MPa.
2.17	Dây sen tắm	Dây	15	Chất liệu: nhựa có tán inox. Dây dài :200cm. Dùng để dẫn nước nóng và lạnh từ củ sen đến bát sen.
2.18	Bộ xả bồn cầu (2 nút nhấn)	Bộ	30	Bộ xả thùng nước bao gồm : 01 cột cấp nước, 01 cột xả, 01 nút nhấn, 01 dây cấp nước, 2 nút nhấn dùng cho bồn cầu liền khối. Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp.
2.19	Ống PVC Ø 21 - 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	80	Đường kính: 21mm. Độ dày: 3mm.
2.20	Ống PVC Ø 27 - 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	80	Đường kính: 27mm. Độ dày: 3mm.
2.21	Ống PVC Ø 34 - 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	30	Đường kính: 34mm. Độ dày: 3mm.
2.22	Ống PVC Ø 42 - 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	20	Đường kính: 42mm. Độ dày: 3mm.
2.23	Ống PVC Ø 49 - 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	10	Đường kính: 49mm. Độ dày: 3mm.
2.24	Ống PVC Ø 60 – 3mm (quy cách: 4 mét/cây),	Cây	10	Đường kính: 60mm. Độ dày: 3mm.
2.25	T PVC Ø21	Cái	80	Dùng chia nước ra thêm 1 hướng vuông góc 90 độ của ống đang đi sẵn. Đường kính 21mm.
2.26	T PVC Ø27	Cái	30	Dùng chia nước ra thêm 1 hướng vuông góc 90 độ của ống đang đi sẵn. Đường kính 27mm.
2.27	T PVC Ø34	Cái	10	Dùng chia nước ra thêm 1 hướng vuông góc 90 độ của ống đang đi sẵn. Đường kính 34mm.
2.28	T PVC Ø42	Cái	10	Dùng chia nước ra thêm 1 hướng vuông góc 90 độ của ống đang đi sẵn. Đường kính 42mm.

2.29	Khâu nối PVC Ø21	Cái	20	Dùng để nối hai ống lại với nhau theo một đường thẳng. Đường kính 21mm.
2.30	Khâu nối PVC Ø27	Cái	20	Dùng để nối hai ống lại với nhau theo một đường thẳng. Đường kính 27mm.
2.31	Khâu nối PVC Ø34	Cái	30	Dùng để nối hai ống lại với nhau theo một đường thẳng. Đường kính 34mm.
2.32	Khâu nối PVC Ø42	Cái	10	Dùng để nối hai ống lại với nhau theo một đường thẳng. Đường kính 42mm.
2.33	Khâu nối PVC Ø49	Cái	10	Dùng để nối hai ống lại với nhau theo một đường thẳng. Đường kính 49mm.
2.34	Keo lụa	Cuồn	60	Băng keo tan dùng để quấn ren. Chiều dài: 10m/cuồn.
2.35	Keo dán ống	Hộp 0,5kg	5	Trọng lượng 500g. Dùng để dán ống và phụ tùng ống nhựa PVC.
2.36	Khâu nối răng ngoài PVC Ø21	Cái	100	Nối ren ngoài đường kính 21mm. Dùng chuyển đổi ống trơn qua ren để lắp các thiết bị đầu cuối vào.
2.37	Khâu nối răng trong PVC Ø21	Cái	30	Nối ren trong đường kính 21mm. Dùng chuyển đổi ống trơn qua ren để lắp các thiết bị đầu cuối vào.
2.38	Van nhựa Ø21 tay gạt Inox	Cái	50	Đường kính 21mm.
2.39	Van nhựa Ø27 tay gạt Inox	Cái	50	Đường kính 27mm.
2.40	Van nhựa Ø34 tay gạt Inox	Cái	20	Đường kính 34mm.
2.41	Romine Inox Ø21	Cái	100	Vòi nước phi 21 đồng & inox 304.
2.42	Romine Inox Ø27	Cái	30	Vòi nước phi 27 đồng & inox 304.

2.43	Romine Lavabo Inox Ø21	Cái	50	Vòi nước gắn tường phi 21 đồng & inox 304.
2.44	Phao bồn nước loại cơ Ø34	Cái	10	Dùng để khoá và mở khi dẫn nước vào bồn chứa. Đường kính: 34mm. Chặn nước khi đầy và tự cấp nước khi thiếu hụt nước trong bồn. Chất liệu: inox
3	Phần lô 3: 28 mặt hàng			
3.1	Đá cắt sắt Ø 30	Cục	20	Kích thước 355x3x25.4mm. Tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
3.2	Đinh rivet	Bịch 100 con	4	Đinh rive rút chất liệu nhôm. Kích thước: 4.8x12mm.
3.3	Đá cắt sắt Ø 10	Cái	50	Đường kính ngoài 100mm. Đường kính trong: 16mm. Độ dày lưỡi cắt: 1,5mm. Tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
3.4	Lưỡi cưa sắt 2 mặt	Cây	20	Dài 300mm. Kết cấu hai mặt răng, dùng được cả hai chiều. Lưỡi cưa thép tôi cứng, có răng.
3.5	Mũi khoan betong 6 ly (loại gài)	Cái	20	Chất liệu: thép cao cấp. Đường kính 6mm. Chiều dài 160mm.
3.6	Mũi khoan betong 8 ly (loại gài)	Cái	30	Chất liệu: thép cao cấp. Đường kính 8mm. Chiều dài 160mm.
3.7	Mỏ lếch	Cái	3	Chất liệu hợp kim cao cấp. Chiều dài 250mm. Độ mở rộng 10inch.
3.8	Mỡ bò	Kg	2	Mỡ bôi trơn giúp giảm ma sát. Màu sắc: vàng. Thành phần: dầu gốc, lithium, phụ gia. Độ nhớt: NLGI 3.
3.9	Bản lề lá 10 cm	Cái	150	Bản lề lá inox với kích thước 10 cm, dày 3mm, được làm từ chất liệu inox 304 chất lượng cao, bền bỉ và không bị oxi hóa theo thời gian. Kèm vít inox.
3.10	Chốt cửa gài loại đứng	Cái	80	Chốt đứng phi 16mm, dài 50cm. Chất liệu inox 304.

3.11	Ổ khóa tay nắm (9210)	Cái	60	Màu sắc :Trắng. Chất liệu : inox. Có 3 chìa khóa.
3.12	Kẽm các loại	Kg	30	Chất liệu: thép mạ kẽm. Kích thước 2mm. Sức căng mà thép có thể đạt tới 300 – 450 Mp.
3.13	Keo đa năng	Hộp 100g	4	Hộp hình trụ bằng thiếc. Khối lượng 100 gram. Bám dính trên nhiều vật liệu như gỗ, inox, nhựa PP, da, cao su.
3.14	Khóa tủ sắt	Cái	60	Chất liệu: inox. Kích thước lỗ khoét: 35x105mm. Kích thước ổ khóa: 40 x 110mm.
3.15	Tay nắm cửa gỗ	Cái	50	Chất liệu: gỗ. Kích thước tay: 40mm. Chiều dài tay nắm: 600mm. Độ dày: 100mm. Tim khoan lỗ 400mm.
3.16	Vít cấy 1,5 cm	kg	3	Chất liệu: inox. Chiều dài: 15mm. Đường kính mặt đầu vít: 8mm.
3.17	Vít 3 ke 4 phân	Bịch 100 con	20	Chất liệu: thép mạ kẽm. Đầu dù dễ vặn bằng tua vít. Ren lăn tăng độ bám dính và chống tuột. Chiều dài: 30mm. Đường kính mặt đầu vít: 7.8mm. Đường kính đuôi vít: 4mm.
3.18	Sơn dầu	lon	50	Thể tích: 0,45 lít/lon. Sơn dầu cho gỗ và kim loại.
3.19	Giấy nhám	Tờ	100	Chất liệu: Silicon Carbide. Kích thước: 230x280mm. Độ nhám: P100.
3.20	Que hàn INOX	Hộp	6	Quy cách: 3.2x350mm. Trọng lượng: 2kg/hộp.
3.21	Que hàn sắt	Hộp	6	Đường kính: 4.0mm x chiều dài: 400mm. Trượng lượng: 5kg/hộp.
3.22	Kềm răng đa năng 7 inch	Cây	2	Chất liệu: thép carbon. Kích thước: 7"/180mm. Được phủ lớp dầu bóng và chống gỉ tay cầm hai màu.

3.23	Kềm bấm 10in-254mm	Cây	2	Kích cỡ: 254mm (10"), dùng để giữ, kẹp, vặn vật. Kìm được tinh luyện từ thép hợp kim cứng, quai hàm thẳng, tay cầm đầm nệm.	
3.24	Tuavit bake 150mm	Cây	2	Cán tua vít loại tròn. Chiều dài: 150mm. Đường kính: 6mm.	
3.25	Tuavit dep 150mm	Cây	2	Cán tua vít loại dẹp. Đường kính: 5mm. Chiều dài: 150 mm.	
3.26	Bút thử điện 12v-300v	Cây	2	Thử điện từ AC 12V đến 300V. Thiết kế màn hình kỹ thuật số LCD.	
3.27	Kềm bấm đinh rút 10.5 inch		2	Kích thước: 10,5 inch. Đinh tán nhôm với các size: Φ2.4mm, 3.2mm, 4mm, 4.8mm. Cân nặng: 0.61 kg.	
3.28	Kềm mũi nhọn 200mm	Cây	2	Trọng lượng: 0,2kg. Loại kìm mũi dài. Vật liệu: Crom. Đường kính cắt: 2mm.	

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 1118 /TB-BVĐK ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh)

Công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp]* báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Bệnh viện như sau:

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả tiêu chí kỹ thuật, quy cách, dịch vụ, …	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
Gói thầu số :….						
1	Hàng hoá/dịch vụ A					
n	…					
	Tổng cộng					

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: …. ngày, kể từ ngày … tháng … năm … *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày … tháng… năm...*[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Thông báo]*.

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác.

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

Ký tên, đóng dấu (nếu có)